

Số: 68/2025/QĐST-HNGĐ

B, ngày 17 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Căn cứ vào Điều 212 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 131 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 2892/2024/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con”, giữa:

- Người yêu cầu:
 - + Ông **Ma Văn C**, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Tổ 4, ấp 7, xã B, huyện L, tỉnh Đ.
 - + Bà **Phạm Ánh H**, sinh năm 1989;
Địa chỉ: 41/94, khu phố 13, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 08/01/2025, Tòa án nhân dân thành phố B đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông C, bà H không đoàn tụ được với nhau, tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết việc ly hôn nên Tòa án lập biên bản ghi nhận như sau:

Ông C và bà H tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2010, do UBND phường H, thành phố B, tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây giữa vợ chồng ông bà đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng không cùng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp. Nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà cùng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ma Thế C, sinh ngày 02/05/2011 và cháu Ma Quế C, sinh ngày 21/06/2018. Ly hôn, vợ chồng thỏa thuận giao cháu C và cháu C cho bà Phạm Ánh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; ông Ma Văn C cấp dưỡng nuôi hai con là 5.000.000 đồng/tháng/02cháu (mỗi cháu 2.500.000 đồng/ tháng/ 1 con) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

* Về tài sản chung: Vợ chồng khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Đương sự tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ma Văn C và bà Phạm Ánh H thuận tình ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Ma Thế C, sinh ngày 02/05/2011 và cháu Ma Quế C, sinh ngày 21/06/2018. Ly hôn, thỏa thuận giao cháu C và cháu C cho bà Phạm Ánh H nuôi dưỡng; tạm thời ông Ma Văn C cấp dưỡng tiền nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng/02 cháu (mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng/ 01 cháu) kể từ ngày có quyết định cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Đương sự khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ông C được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết ông bà được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông C không cấp dưỡng nuôi con với số tiền như thỏa thuận nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí: Ông Ma Văn C và bà Phạm Ánh H phải nộp 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005074 ngày 12/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. B;
- UBND phường nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Cẩm